

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 20-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Thanh Hồng

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/3/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Khang sinh ngày 12/6/2010, hiện nay do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khang và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019, anh Nguyễn Vũ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ. Sau đó, chị N về sống bên cha mẹ ruột còn anh thì đi làm. Anh và chị N đã ly thân hơn 04 năm. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị N. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Khang sinh ngày 12/6/2010. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Khang cho chị N nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có. Đồng thời, anh H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng về nhiệm vụ quyền hạn theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đúng về nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Yến N về việc ly hôn với anh Nguyễn Vũ H, giao con chung tên Nguyễn Vũ Khang sinh ngày 12/6/2010 cho chị N nuôi dưỡng, do anh H hiện đang lao động tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp ly hôn và nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019 bị đơn là anh Nguyễn Vũ H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Yến N và anh Nguyễn Vũ H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Yến N, thấy rằng: Chị N và anh H đều xác định đã ly thân nhiều năm, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị N và anh H đều thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Vũ Khang cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại văn bản ngày 02/8/2019, cháu Nguyễn Vũ Khang có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị N. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng con chung là phù hợp với sự thống nhất của chị N và anh H nên cần giao cháu Khang cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về mức cấp dưỡng, tại phiên tòa chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Khang 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy hiện nay anh H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đã cơ bản đảm bảo các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của con chung, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận. Trường hợp sau khi ly hôn anh H có thu nhập ổn định, chị N có quyền yêu cầu khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung và thống nhất xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Yến N ly hôn với anh Nguyễn Vũ H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Khang (giới tính: nam) sinh ngày 12/6/2010 cho chị Nguyễn Yến N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Vũ H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Vũ H cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Vũ Khang sinh ngày 12/6/2010. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 20/8/2019 đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Yến N và anh Nguyễn Vũ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Nguyễn Yến N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004438 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Anh Nguyễn Vũ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Yến N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Vũ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý